

Câu 1. (2,0 điểm)

Cho ba số a, b, c khác nhau đôi một và khác 0, đồng thời thỏa mãn điều kiện $\frac{a+b}{c} = \frac{b+c}{a} = \frac{c+a}{b}$. Tính giá trị của biểu thức $A = \left(1 + \frac{a}{b}\right) \left(1 + \frac{b}{c}\right) \left(1 + \frac{c}{a}\right)$.

Câu 2. (4,0 điểm)

1) Giải phương trình $\frac{1}{x^2} + \frac{3}{x+1} - \frac{2}{(x+1)^2} = 2$.

2) Cho hai đa thức $P(x) = x^5 - 5x^3 + 4x + 1, Q(x) = 2x^2 + x - 1$. Gọi x_1, x_2, x_3, x_4, x_5 là các nghiệm của $P(x)$. Tính giá trị của $Q(x_1).Q(x_2).Q(x_3).Q(x_4).Q(x_5)$.

Câu 3. (4,0 điểm)

1) Tìm tất cả số nguyên dương n sao cho $n^2 + 2$ là ước số của $n^6 + 206$.

2) Cho a, b, c là các số nguyên khác 0, $a \neq c$ sao cho $\frac{a^2 + b^2}{b^2 + c^2} = \frac{a}{c}$. Chứng minh rằng

$a^2 + b^2 + c^2$ không phải là số nguyên tố.

Câu 4. (7,0 điểm)

1) Cho hình vuông $ABCD$, gọi M là điểm bất kì trên cạnh BC . Trong nửa mặt phẳng bờ AB chứa C , dựng hình vuông $AMHN$. Qua M dựng đường thẳng d song song với AB , d cắt AH tại E . Đường thẳng AH cắt DC tại F .

a) Chứng minh rằng $BM = ND$.

b) Tứ giác $EMFN$ là hình gì?

c) Chứng minh chu vi tam giác MFC không đổi khi M thay đổi trên BC .

2) Cho tam giác ABC có $\widehat{BAC} = 90^\circ, \widehat{ABC} = 20^\circ$. Các điểm E và F lần lượt nằm trên các cạnh AC, AB sao cho $\widehat{ABE} = 10^\circ$ và $\widehat{ACF} = 30^\circ$. Tính \widehat{CFE} .

Câu 5. (3,0 điểm)

1) Cho các số thực $a, b, c \geq 1$. Chứng minh rằng

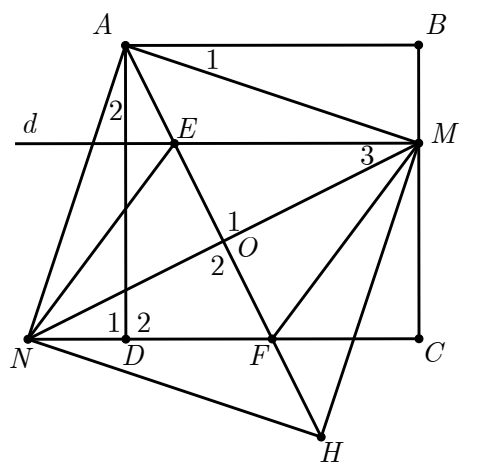
$$\frac{1}{2a-1} + \frac{1}{2b-1} + \frac{1}{2c-1} + 3 \geq \frac{4}{a+b} + \frac{4}{b+c} + \frac{4}{c+a}.$$

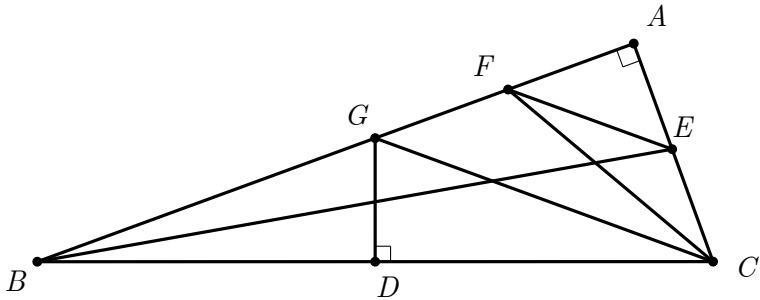
2) Cho hình vuông $ABCD$ và 9 đường thẳng cùng có tính chất là mỗi đường thẳng chia hình vuông $ABCD$ thành hai tứ giác có tỉ số diện tích bằng $\frac{2}{3}$. Chứng minh rằng có ít nhất 3 đường thẳng trong số đó cùng đi qua một điểm.

-----HẾT-----

Họ và tên thí sinh : Số báo danh

Câu	Đáp án	Điểm
1.1. (2,0 điểm)		
	Nếu $a + b + c = 0$ thì $a + b = -c, b + c = -a, c + a = -b$. Do đó, $\frac{a+b}{c} = \frac{b+c}{a} = \frac{c+a}{b} = -1 \Rightarrow A = \frac{a+b}{c} \cdot \frac{b+c}{a} \cdot \frac{c+a}{b} = -1$.	1,0
	Nếu $a + b + c \neq 0$ thì $\frac{a+b}{c} = \frac{b+c}{a} = \frac{c+a}{b} = \frac{a+b+b+c+c+a}{c+a+b} = 2$. Do đó, $a + b = 2c, b + c = 2a, c + a = 2b \Rightarrow a = b = c$, trái giả thiết. Vậy $A = -1$.	1,0
2.1. (2,0 điểm)		
	Điều kiện: $x \neq 0, x \neq -1$	0,25
	$\frac{1}{x^2} + \frac{3}{x+1} - \frac{2}{(x+1)^2} = 2 \Leftrightarrow 1 - \frac{1}{x^2} + 1 - \frac{3}{x+1} + \frac{2}{(x+1)^2} = 0$ $\Leftrightarrow \frac{x^2-1}{x^2} + \frac{(x+1)^2-3(x+1)+2}{(x+1)^2} = 0$ $\Leftrightarrow \frac{(x+1)(x-1)}{x^2} + \frac{x^2+2x+1-3x-3+2}{(x+1)^2} = 0$	0,75
	$\Leftrightarrow \frac{(x+1)(x-1)}{x^2} + \frac{x(x-1)}{(x+1)^2} = 0 \Leftrightarrow (x-1) \left[\frac{x+1}{x^2} + \frac{x}{(x+1)^2} \right] = 0$	0,5
	$\Leftrightarrow (x-1) \left[(x+1)^3 + x^3 \right] = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = \frac{-1}{2} \text{ (thỏa mãn)} \end{cases}$ Vậy tập nghiệm của phương trình là $S = \left\{ 1; \frac{-1}{2} \right\}$.	0,5
2.2. (2,0 điểm)		
	Ta có $P(x) = x^5 - 5x^3 + 4x + 1 = (x-x_1)(x-x_2)(x-x_3)(x-x_4)(x-x_5)$ $Q(x) = 2 \left(\frac{1}{2} - x \right) (-1-x)$	0,75
	Do đó $Q(x_1) \cdot Q(x_2) \cdot Q(x_3) \cdot Q(x_4) \cdot Q(x_5)$ $= 2^5 \left[\left(\frac{1}{2} - x_1 \right) \left(\frac{1}{2} - x_2 \right) \left(\frac{1}{2} - x_3 \right) \left(\frac{1}{2} - x_4 \right) \left(\frac{1}{2} - x_5 \right) \right] \times$ $\times \left[(-1-x_1)(-1-x_2)(-1-x_3)(-1-x_4)(-1-x_5) \right]$	0,75
	$= 32 \cdot P \left(\frac{1}{2} \right) \cdot P(-1) = 32 \left(\frac{1}{32} - \frac{5}{8} + 2 + 1 \right) (-1 + 5 - 4 + 1) = 77$.	0,5
3.1. (2,0 điểm)		
	$n^2 + 2$ là ước số của $n^6 + 206 \Leftrightarrow \frac{n^6 + 206}{n^2 + 2} \in \mathbb{Z} \Leftrightarrow \frac{n^6 + 8 + 198}{n^2 + 2} \in \mathbb{Z}$ $\Leftrightarrow n^4 + 2n^2 + 4 + \frac{198}{n^2 + 2} \in \mathbb{Z}$.	0,75

	Điều này xảy ra khi $n^2 + 2$ là ước nguyên dương của $198 = 2 \cdot 3^2 \cdot 11$ gồm: 2; 3; 6; 9; 11; 18; 22; 33; 66; 99; 198.	0,75
	Từ đó ta tìm được $n \in \{1; 2; 3; 4; 8; 14\}$. Chú ý : + Nếu bước 2 thiếu giá trị của $n^2 + 2$ trừ 0,5 điểm. + Nếu bước 3 thiếu giá trị của n trừ 0,25 điểm.	0,5
3.2. (2,0 điểm)		
	Ta có $\frac{a^2 + b^2}{b^2 + c^2} = \frac{a}{c} \Leftrightarrow (a - c)(b^2 - ac) = 0 \Rightarrow b^2 = ac$ Mà $a^2 + b^2 + c^2 = a^2 + ac + c^2 = a^2 + 2ac + c^2 - b^2$ $= (a + c)^2 - b^2 = (a + c + b)(a + c - b)$	0,75
	Ta thấy $a^2 + b^2 + c^2 > 3$ do đó nếu $a^2 + b^2 + c^2$ là các số nguyên tố thì xảy ra các trường hợp sau 1) $a + c - b = 1, a + c + b = a^2 + b^2 + c^2 \Rightarrow a^2 + b^2 + c^2 = 2a + 2c - 1$ $\Rightarrow (a - 1)^2 + (c - 1)^2 + b^2 = 1 \rightarrow a = c = 1, b = \pm 1$ (Loại)	0,5
	2) $a + c + b = 1, a + c - b = a^2 + b^2 + c^2 \Rightarrow a^2 + b^2 + c^2 = 2a + 2c - 1$ $\Rightarrow (a - 1)^2 + (c - 1)^2 + b^2 = 1 \Rightarrow a = c = 1, b = \pm 1$ (Loại) 3) $a + c + b = -1, a + c - b = -(a^2 + b^2 + c^2) \Rightarrow a^2 + b^2 + c^2 = -2a - 2c - 1$ $\Rightarrow (a + 1)^2 + (c + 1)^2 + b^2 = 1 \Rightarrow a = c = -1, b = \pm 1$ (Loại) 4) $a + c - b = -1, a + c + b = -(a^2 + b^2 + c^2) \Rightarrow a^2 + b^2 + c^2 = -2a - 2c - 1$ $\Rightarrow (a + 1)^2 + (c + 1)^2 + b^2 = 1 \Rightarrow a = c = -1, b = \pm 1$ (Loại) Vậy $a^2 + b^2 + c^2$ không phải là số nguyên tố.	0,75
4.1.a) (2,0 điểm)		
	 <p>a) Do $ABCD$ là hình vuông nên $\widehat{A_1} + \widehat{MAD} = 90^\circ$ (1) Mà $AMHN$ là hình vuông $\Rightarrow \widehat{A_2} + \widehat{MAD} = 90^\circ$ (2) Từ (1), (2) suy ra $\widehat{A_1} = \widehat{A_2}$</p>	1,0
	Do đó, $\triangle AND = \triangle AMB$ (c.g.c) $\Rightarrow \widehat{B} = \widehat{D_1} = 90^\circ$ và $BM = ND$	1,0

4.1.b) (1,5 điểm)		
	<p>Do $ABCD$ là hình vuông $\Rightarrow \widehat{D}_2 = 90^\circ$ $\Rightarrow \widehat{NDC} = \widehat{D}_1 + \widehat{D}_2 = 90^\circ + 90^\circ = 180^\circ \Rightarrow N, D, C$ thẳng hàng. Gọi O là giao điểm hai đường chéo AH, MN của hình vuông $AMHN$. $\Rightarrow O$ là tâm đối xứng của hình vuông $AMHN$. $\Rightarrow AH$ là đường trung trực đoạn MN, mà $E, F \in AH \Rightarrow EN = EM$ và $FM = FN$ (3).</p>	1,0
	<p>$\Delta EOM = \Delta FON$ ($OM = ON; \widehat{N}_1 = \widehat{M}_3$) $\Rightarrow \widehat{O}_1 = \widehat{O}_2 \Rightarrow EM = NF$ (4) Từ (3), (4) $\Rightarrow EM = NE = NF = FM \Rightarrow MENF$ là hình thoi (5).</p>	0,5
4.1.c) (2,0 điểm)		
	<p>Từ (5) suy ra $FM = FN = FD + DN$ Mà $DN = MB \Rightarrow MF = DF + BM$</p>	1,0
	<p>Gọi chu vi tam giác MCF là p và cạnh hình vuông là a. Ta có $P = MC + CF + MF = MC + CF + BM + DF$ (vì $MF = DF + MB$) $= (MC + MB) + (CF + FD) = BC + CD = a + a = 2a$ Do đó, chu vi tam giác MFC không đổi khi M thay đổi trên BC.</p>	1,0
4.2. (1,5 điểm)		
		0,5
	<p>Xét ΔABC có $\widehat{BAC} = 90^\circ, \widehat{ABC} = 20^\circ \Rightarrow \widehat{ACB} = 70^\circ$ ΔACF có $\widehat{CAF} = 90^\circ, \widehat{ACF} = 30^\circ \Rightarrow FC = 2.AF$ Gọi D là trung điểm của BC và G là điểm trên AB sao cho $GD \perp BC$. Khi đó, $\Delta ABC \sim \Delta DBG \Rightarrow \frac{BD}{BG} = \frac{BA}{BC}$</p>	0,5
	<p>$\widehat{GCB} = \widehat{GBC} = 20^\circ \Rightarrow \widehat{GCF} = 20^\circ$ Do đó CG và BE lần lượt là tia phân giác của \widehat{BCF} và \widehat{ABC} nên $\frac{FC}{FG} = \frac{BC}{BG}; \frac{BA}{BC} = \frac{AE}{EC}$</p>	0,5
	<p>Do đó, $\frac{AF}{FG} = \frac{\frac{1}{2}FC}{FG} = \frac{\frac{1}{2}BC}{BG} = \frac{BD}{BG} = \frac{BA}{BC} = \frac{AE}{EC} \Rightarrow \frac{AF}{FG} = \frac{AE}{EC}$ Từ đó suy ra $CG \parallel EF$ (ĐL Talet đảo) $\Rightarrow \widehat{CFE} = \widehat{GCF} = 20^\circ$.</p>	0,5
5.1. (2,0 điểm)		
	<p>Ta có $(a-1)^2 \geq 0 \Rightarrow a^2 \geq 2a-1 \Rightarrow \frac{1}{2a-1} \geq \frac{1}{a^2}$. Nên $VT \geq \frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2} + 3$</p>	0,75

Ta lại có $\frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} \geq \frac{2}{ab} \geq \frac{8}{(a+b)^2}$; $\frac{8}{(a+b)^2} + 2 \geq \frac{8}{a+b} \Rightarrow \frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} + 2 \geq \frac{8}{a+b}$

0,75

Tương tự $\frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2} + 2 \geq \frac{8}{b+c}$; $\frac{1}{c^2} + \frac{1}{a^2} + 2 \geq \frac{8}{c+a}$

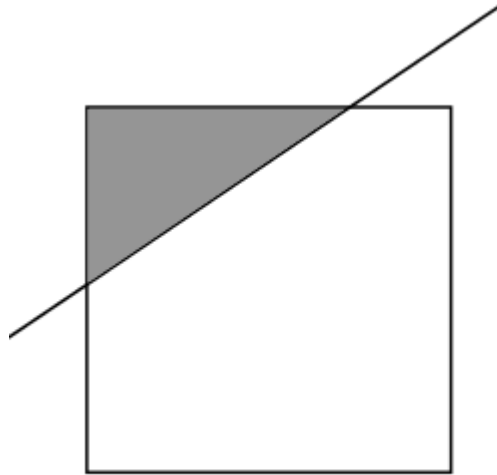
Suy ra $\frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2} + 3 \geq \frac{4}{a+b} + \frac{4}{b+c} + \frac{4}{c+a}$

0,5

Do vậy, $\frac{1}{2a-1} + \frac{1}{2b-1} + \frac{1}{2c-1} + 3 \geq \frac{4}{a+b} + \frac{4}{b+c} + \frac{4}{c+a}$

Dấu bằng xảy ra khi và chỉ khi $a = b = c = 1$.

5.2. (1,0 điểm)

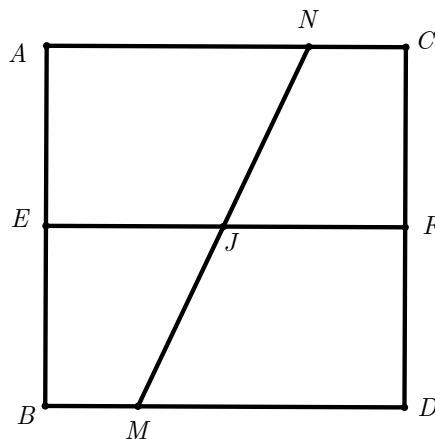


Các đường thẳng đã cho không thể cắt các cạnh kề nhau của hình vuông, bởi vì nếu thế chúng chia hình vuông thành một tam giác và ngũ giác (chứ không phải là chia hình vuông thành hai tứ giác).

Do đó, mỗi đường thẳng (trong số chín đường thẳng) đều cắt hai cạnh đối của hình vuông và không đi qua một đỉnh nào của hình vuông.

Giả sử một đường thẳng cắt hai cạnh đối BC và AD tại các điểm M và N .

0,5



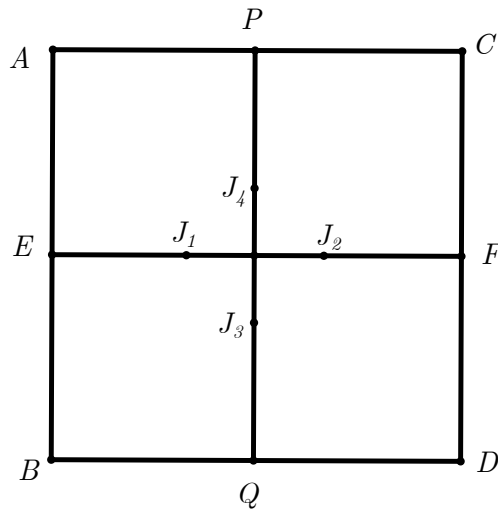
$$\text{Ta có } \frac{S_{ABMN}}{S_{MCDN}} = \frac{2}{3} \Leftrightarrow \frac{\frac{1}{2} \cdot AB \cdot (BM + AN)}{\frac{1}{2} \cdot CD \cdot (MC + ND)} = \frac{2}{3} \Leftrightarrow \frac{EJ}{JF} = \frac{2}{3}.$$

(ở đây E và F là các trung điểm của AB và CD tương ứng).

Gọi E, F, P, Q tương ứng là các trung điểm của AB, CD, BC, AD . Gọi J_1, J_2, J_3, J_4 là các điểm sao cho J_1, J_2 nằm trên EF , J_3, J_4 nằm trên PQ và thỏa mãn:

0,5

$$\frac{EJ_1}{J_1F} = \frac{FJ_2}{J_2F} = \frac{PJ_3}{J_3Q} = \frac{QJ_4}{J_4P} = \frac{2}{3}.$$



Khi đó từ đó lập luận trên ta suy ra mỗi đường thẳng có tính chất thỏa mãn yêu cầu của đề bài phải đi qua một trong 4 điểm J_1, J_2, J_3, J_4 nói trên. Vì có 9 đường thẳng, nên theo nguyên lí Dirichlet phải tồn tại ít nhất một trong 4 điểm J_1, J_2, J_3, J_4 sao cho nó có ít nhất ba trong 9 đường thẳng đã cho đi qua.
 Vậy có ít nhất 3 đường thẳng trong 9 đường thẳng đã cho đi qua một điểm.

Chú ý:

1. Học sinh làm đúng đến đâu giám khảo cho điểm đến đó, tương ứng với thang điểm.
2. HS trình bày theo cách khác mà đúng thì giám khảo cho điểm tương ứng với thang điểm. Trong trường hợp mà hướng làm của HS ra kết quả nhưng đến cuối còn sai sót thì giám khảo trao đổi với tổ chấm để giải quyết.
3. Tổng điểm của bài thi không làm tròn.

-----Hết-----